

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM THÀNH
PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-ST

Ngày 26-7-2023

V/v: Tranh chấp về thừa kế
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Ông Lê Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 16/01/2023 về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-DSST ngày 07/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DSST ngày 26/6/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt;

*** Bị đơn:** Ông Lê Trung H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt;

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Đức T, sinh năm 1980; địa chỉ: Căn A, Chung cư T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt;

2. Bà Lê Thị Thùy N, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu đô thị S, phường V, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt;

3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1957; trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; xin xét xử vắng mặt;

4. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1959; trú tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt;

5. Ông Lê Văn C, sinh năm 1963; trú tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ huyết thống: Bố tôi tên là Lê Năng T3, sinh năm 1951 (chết năm 2017) và mẹ tôi là Lê Thị H1, sinh năm 1955 (chết năm 1997). Bố mẹ tôi sinh được bốn người con gồm: Anh Lê Trung H, sinh năm 1978; anh Lê Đức T, sinh năm 1980; tôi là Lê Ngọc S, sinh năm 1982 và Lê Thị Thùy N, sinh năm 1984.

- Về di sản: Trước khi chết, bố mẹ tôi để lại 195m² đất thổ cư tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 14 - Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. Khi bố mẹ tôi qua đời không để lại di chúc và giấy tờ gì cho các con. Đến nay, anh Lê Trung H lại muốn mảnh đất này của riêng mình không chịu chia cho các anh chị em chúng tôi. Vậy, tôi đề nghị Tòa án chia thừa kế diện tích đất trên cho các anh chị em chúng tôi theo đúng quy định của pháp luật.

** Bị đơn - ông Lê Trung H trình bày:*

- Về quan hệ huyết thống: Tôi nhất trí với lời trình bày của Nguyên đơn là ông Lê Ngọc S về quan hệ huyết thống.

- Về di sản: Năm 1982, bố mẹ tôi được hợp tác xã và UBND xã K cấp cho một mảnh đất để gia đình lập nghiệp và sinh sống. Đến năm 2004, chúng tôi được bố tôi chia mảnh đất này ra làm ba phần. Tôi và hai em trai tôi được chia, em gái tôi là Lê Thị Thùy N không được chia. Còn việc ông Lê Ngọc S và ông Lê Đức T, bà Lê Thị Thùy N đòi chia đất là không đúng vì việc này UBND xã K đã làm việc rõ ràng ngày 26/8/2022, có biên bản kèm theo.

Cụ ông tôi là Lê Văn C1, chết năm 1997, cụ bà tôi là Lã Thị X, chết năm 1990. Cụ tôi sinh được bốn người con: 1. Lê Năng T3, chết 2017; 2. Lê Thị T1; 3. Lê Văn T2; 4. Lê Văn C.

Năm 1991, cụ tôi có khoảng hơn 500m² đất. Cụ tôi chia làm ba phần cho ông

Lê Văn C và vợ là Nguyễn Thị T4 một phần, ông Lê Văn T2 và vợ là Nguyễn Thị U một phần, tôi - Lê Trung H một phần. Ba chúng tôi cùng đóng mốc, cùng ký có tổ công tác thôn và UBND xã K chứng kiến. Hồ sơ, sổ sách, giấy tờ UBND xã đang lưu trữ. Phần đất của cụ tôi cho tôi là cháu đích tôn sau này để hương hỏa tổ tiên, thờ tự. Năm 2004, có luật đất đai và cấp giấy CNQSDĐ. Lần này tôi lại căng thước, đóng mốc với tổ công tác của thôn và xã K cho ông T2 và bà U, ông C và bà T4 để cho các ông bà đỡ ty nạnh, căng thẳng với nhau. Tôi cùng tổ công tác căng cho các ông bà nói trên 8 mét mặt ngõ, còn đầu dồn lại là của tôi (ngày 17/7/2004 âm lịch - ngày giỗ cụ bà tôi). Sau một tháng, ông T2 và bà U còn đặt vấn đề bảo tôi bán lại cho 2 mét. Tôi có nói "Cháu không bán, cháu để lại cho ông 2 mét nhưng với điều kiện ông cũng phải để ra 2 mét để ông C lấy lối vào".

Các lời khai trên đây của tôi là đảm bảo đúng sự thật. Cụ tôi cho tôi, không cho bố tôi và con gái của cụ. Sau khi bố tôi khuất núi thì hai ông chú tôi mới làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nói rằng không phải đất của tôi làm gia đình rồi ren, không phải đất của tôi mà cứ bảo tôi ký. Tôi không ký, ông T2 chửi, lăng mạ và gây rối tại nhà tôi nhiều lần, lại còn nói: "*Mày không ký cho tao làm tao mất 70 triệu*". Trên đây là trình bày của tôi, tôi xin quý tòa xem xét, cập nhật, xác minh thông tin, thu thập nguồn gốc đất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Lê Đức T và bà Lê Thị Thùy N thống nhất trình bày:* Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế nhất trí với quan điểm trình bày trên của Nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các anh chị em trong gia đình.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị T1, ông Lê Văn T2 và ông Lê Văn C thống nhất trình bày:*

- Về quan hệ huyết thống: Bố chúng tôi là Lê Văn C1, sinh năm 1919 (chết năm 1997) và mẹ chúng tôi là Lã Thị X, sinh năm 1918 (chết năm 1990). Bố mẹ chúng tôi sinh được 04 người con gồm: Ông Lê Năng T3, sinh năm 1951; bà Lê Thị T1, sinh năm 1957; ông Lê Văn T2, sinh năm 1959; ông Lê Văn C, sinh năm 1963. Ngoài 04 người con trên, bố mẹ chúng tôi không có người con nuôi hay con riêng nào.

- Về di sản thừa kế: Năm 1993, bố mẹ chúng tôi có chia đất cho 03 người con trai gồm:

+ Ông Lê Năng T3 được 195m² đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 14 tại:

Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

+ Ông Lê Năng T2 được 172m² đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14 tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

+ Ông Lê Văn C được 179m² đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 14 tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

Từ đó cho đến nay, anh em chúng tôi dùng đúng phần đất được bố mẹ phân chia và không có thắc mắc hay tranh chấp gì với ai. Nay, chúng tôi xác định phần diện tích đất 195m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 14 tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội là của anh Lê Năng T3 đang do các con của anh T3 quản lý sử dụng. Nay, các con anh T3 đang có tranh chấp chia thừa kế, anh em chúng tôi không có liên quan gì đến việc tranh chấp này và đề nghị Tòa án không đưa anh em chúng tôi vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng:

+ Toà án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành các trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

+ **Xác định di sản thừa kế:** Căn cứ tài liệu do UBND xã K cung cấp, lời khai người liên quan bà T1, ông T2, ông C thể hiện: Năm 1993, cụ C1 và cụ X có chia đất cho 03 người con trai trong đó có ông Lê Năng T3 (bố đẻ anh S) được 195m² đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 14 tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

+ **Xác định thời điểm mở thừa kế và các kỹ phần:** Bà Lê Thị H1, sinh 1955 (mất năm 1997) và ông Lê Năng T3, sinh 1951 (mất năm 2017) có 4 người con chung: Lê Trung H, Lê Đức T, Lê Ngọc S và Lê Thị Thùy N. Khi bà H1 và ông T3 chết không để lại di chúc, vì vậy di sản được chia theo pháp luật.

Năm 1997, bà H1 chết; theo Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm: Ông T3, các con là Lê Trung H, Lê Đức T, Lê Ngọc S và Lê Thị Thùy N. Năm 2017, ông T3 chết; theo Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm: các con là Lê Trung H, Lê Đức T, Lê Ngọc S và Lê Thị Thùy N.

Do bà H1 và ông T3 chết hàng thừa kế không thay đổi có 4 người gồm: Lê Trung H, Lê Đức T, Lê Ngọc S và Lê Thị Thùy N nên lấy tài sản của bà H1 và ông T3 chia cho 4 người. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì khi phân chia di sản cần trích ra 1 phần để chi phí cho việc bảo quản, duy tu di sản, trong vụ án này bằng 1/2 kỷ phần thừa kế cho anh H là người bảo quản di sản. Như vậy, di sản thừa kế sẽ được chia làm 4,5 phần trong đó 1/2 kỷ phần để chi cho việc bảo quản, duy tu di sản.

Di sản thừa kế chia như sau: $186,9\text{m}^2 : 4,5 = 41,53\text{m}^2$. Như vậy, anh H được 1,5 suất: $41,53\text{m}^2 \times 1,5 = 62,29\text{m}^2$ tương đương 1.930.990.000 đồng, (trị giá đất 31.000.000đ/m²); anh Lê Đức T, anh Lê Ngọc S và chị Lê Thị Thùy N mỗi người được 41,53m² (tương đương 1.287.430.000 đồng). Do vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 16/01/2023 nên áp dụng quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 29/11/2022, ông Lê Ngọc S nộp đơn khởi kiện ghi ngày 14/9/2022 đối với ông Lê Trung H về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế” của bố mẹ là ông Lê Năng T3 và bà Lê Thị H1 là 195m² đất thổ cư tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 14 tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội để lại theo quy định của pháp luật.

Đây là vụ án dân sự về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về xác định tư cách của đương sự: Ông Lê Ngọc S là người khởi kiện nên là nguyên đơn. Ông Lê Trung H là người bị kiện nên là bị đơn. Ông Lê Đức

T, bà Lê Thị Thùy N, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn T2, ông Lê Văn C là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn T2, ông Lê Văn C là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai và trình bày đầy đủ về những vấn đề liên quan đến di sản thừa kế mà nguyên đơn đang yêu cầu chia thừa kế. Các ông bà có T1, T2, C có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết cũng như khi xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm. Ông Lê Năng T3, chết năm 2017 và bà Lê Thị H1, chết năm 1997. Ngày 29/11/2022, ông Lê Ngọc S nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ là ông Lê Năng T3 và bà Lê Thị H1 để lại là đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

*** Về nội dung:**

[5]. Về quan hệ huyết thống, các đương sự cùng thống nhất như sau:

Ông Lê Năng T3, sinh năm 1951 (chết năm 2017) và bà Lê Thị H1, sinh năm 1955 (chết năm 1997) sinh được bốn người con gồm: Lê Trung H, sinh năm 1978; Lê Đức T, sinh năm 1980; Lê Ngọc S, sinh năm 1982 và Lê Thị Thùy N, sinh năm 1984. Ngoài ra, ông T3 và bà H1 không có người con nuôi, người con riêng nào khác.

[6]. Về hàng thừa kế: Bà Lê Thị H1 - chết năm 1997, thời điểm mở thừa kế di sản của bà H1 để lại là năm 1997. Ông Lê Năng T3 - chết năm 2017, thời điểm mở thừa kế di sản của ông T3 để lại là năm 2017. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông T3 và bà H1 không thay đổi gồm 04 người: Ông Lê Trung H, ông Lê Đức T, ông Lê Ngọc S và bà Lê Thị Thùy N.

[7]. Về di sản thừa kế: Theo cung cấp của UBND xã K, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội thể hiện:

[7.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Đất thổ cư của gia đình ông Lê Văn C1, bà Lê Thị X sử dụng ổn định trước năm 1980 (không có giấy tờ). Quá trình sử dụng đến trước ngày 15/10/1993, theo gia đình cho biết ông C1, bà X tách cho ông Lê Văn T2 sử dụng 1 phần, ông Lê Văn C sử dụng 1 phần, phần còn lại ông Lê Năng T3 sử dụng (không lập thành văn bản). Nay, gia đình hợp lại thống nhất cho ông Lê Văn T2, ông Lê Văn C như trước ngày 15/10/1993 đã cho (có biên bản họp gia đình kèm theo). Tại thời điểm họp gia đình, ông Lê Trung H

(ông H là con ông Lê Năng T3) không ký biên bản với lý do gia đình ông H chưa thống nhất được thành viên đứng tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không ký biên bản họp gia đình cho ông Lê Văn T2 và ông Lê Văn C.

Diện tích đất tại thửa số 22, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội theo hiện trạng hiện nay có sự chênh lệch so với các diện tích đất tại các tài liệu, giấy tờ trên là do quá trình tính toán diện tích, đo đạc mốc giới các thời kỳ bản đồ không chính xác. Quá trình quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất, gia đình ông Lê Trung H không lấn chiếm. Gia đình ông Lê Trung H không có tranh chấp gì về mốc giới mà đang vướng mắc về nguồn gốc đất giữa nhà ông Lê Trung H và 02 chú ruột là ông Lê Văn C, Lê Văn T2. Ủy ban nhân dân xã đã hòa giải nhưng không thành. Toàn bộ thửa đất gia đình ông Lê Trung H hiện nay đang sử dụng hiện trạng đã xây dựng nhà ở công trình phục vụ mục đích ở trên toàn bộ thửa đất.

[7.2]. Theo bà Lê Thị T1, ông Lê Văn T2, ông Lê Văn C trình bày, trước đây, bố mẹ của các ông bà có thửa đất thổ cư tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. Năm 1993, bố mẹ của các ông bà đã phân chia mảnh đất cho ba người con trai là: Lê Năng T3 được 195m² đất ở thửa số 22, tờ bản đồ số 14; Lê Văn T2 được 172m² đất ở thửa số 21, tờ bản đồ số 14 và Lê Văn C được 179m² đất ở thửa số 20, tờ bản đồ số 14. Từ đó đến nay, anh em dùng đúng phần đất được bố mẹ phân chia và không thắc mắc, tranh chấp gì. Nay, các ông bà đều thống nhất xác nhận phần đất 195m² ở thửa số 22, tờ bản đồ số 14 mang tên ông Lê Năng T3 là đang do các con của ông T3 sử dụng. Việc phân chia thửa đất của ông Lê Năng T3 là gia đình ông T3 tự giải quyết, các ông bà không can thiệp.

Ông Lê Ngọc S, ông Lê Đức T và bà Lê Thị Thùy N trình bày quan điểm nhất trí với ý kiến của ông T2, ông C và bà T1.

Theo ông H trình bày, về việc phân chia thửa đất của ông bà nội của ông là cụ Lê Văn C1 và cụ Lê Thị X thành ba thửa đúng như các ông bà T2, C và T1 trình bày nhưng diện tích 195m² đất không phải là chia cho bố của ông là ông Lê Năng T3 mà phân chia trực tiếp cho ông là cháu đích tôn để sau này làm nơi thờ cúng hương hỏa tổ tiên, việc phân chia bằng miệng, không có giấy tờ gì. Việc phân chia là vào năm 1991, khi đó ông được 13 tuổi.

[7.3]. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Tổng diện tích thửa đất theo hiện trạng là 186,9m². Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thể hiện: Giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp là 31.000.000 đồng/m².

[7.4]. Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu địa chính đang lưu giữ tại UBND xã K, huyện G, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 14, diện tích 195m² (diện tích đo đạc hiện trạng là 186,9m²) tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội được cụ Lê Văn C1 và cụ Lã Thị X chia cho ông Lê Năng T3 và bà Lê Thị H1 từ năm 1993. Nay, ông T3 và bà H1 đã chết nên là di sản thừa kế của ông Lê Năng T3 và bà Lê Thị H1 để lại. Ông H cho rằng, diện tích thửa đất trên là của cụ Lê Văn C1 và cụ Lã Thị X chia cho ông khi ông mới 13 tuổi để ông được toàn quyền quản lý, sử dụng là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm, ý kiến của ông H. Trước khi chết, ông T3 và bà H1 không để lại di chúc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T3, bà H1 để lại theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[7.5]. Về các công trình kiến trúc trên đất: Theo ông H trình bày, năm 2004, ông vay 50.000.000 đồng của Ngân hàng N - Chi nhánh G và bỏ tiền thêm ra để xây các căn nhà trọ cho thuê, hiện nay không còn hồ sơ lưu trữ tại Ngân hàng. Ngoài ra, ông còn vay của mọi người; trong đó có vay chiếc xe máy Ware của ông S quy đổi ra thành tiền bằng 15.500.000 đồng và thỏa thuận với ông S sau này khi trả tiền ông S sẽ quy đổi ra thành tiền đô la Mỹ tại thời điểm thanh toán nhưng đến nay ông vẫn chưa thanh toán cho ông S số tiền trên. Số tiền ông cho thuê các gian nhà trọ thì ông là người thu và quản lý, sử dụng.

Ông S, ông T, bà N cho rằng, số tiền xây nhà trọ là do anh em đóng góp và ông H là người đại diện cho gia đình đứng ra vay Ngân hàng N - Chi nhánh G, có thể chấp tài sản của gia đình để lấy tiền xây nhà trọ cho thuê. Sau đó, ông H là người quản lý, thu tiền cho thuê trọ nhưng không chia tiền cho thuê trọ cho anh em trong gia đình nên nảy sinh tranh chấp. Việc ông H nói ông vay riêng xe máy của ông S để bán lấy tiền xây nhà trọ là không đúng mà chiếc xe máy là anh em cùng thống nhất bỏ ra để bán lấy tiền xây nhà trọ.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận số tiền xây các gian nhà trọ do bốn anh em của ông S bỏ ra để chung nhau xây dựng nhà trọ. Đến nay, toàn bộ số tiền thu được do cho thuê trọ ông H là người quản lý, sử dụng. Vợ ông H là bà Lê Thị T5 cũng có lời khai khẳng định tiền xây nhà trọ và tiền thu được do cho thuê trọ, bà không liên quan, đó là việc của gia đình nhà chồng, ông H tự giải quyết với anh em chồng và bà từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại Tòa án, ông S, ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về số tiền ông H thu được từ việc cho thuê các gian trọ ông H đã thu và sử dụng thì để cho

ông H sử dụng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[8]. Về việc phân chia di sản thừa kế:

[8.1]. Tổng giá trị di sản thừa kế là $186,9\text{m}^2 \times 31.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 5.793.900.000$ đồng. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông T3 và bà H1 gồm: Ông Lê Trung H, ông Lê Đức T, ông Lê Ngọc S và bà Lê Thị Thùy N nên di sản thừa kế của hai ông bà để lại được chia thành 4 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần thừa kế là $5.793.900.000 \text{ đồng} : 4 = 1.448.475.000$ đồng (tương đương $46,7\text{m}^2$ đất).

[8.2]. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 618 của Bộ luật Dân sự 2015 thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ông Lê Trung H là người đang quản lý, sử dụng di sản thừa kế, quản lý các gian nhà trọ. Đáng lẽ, cần phải trích trả công sức duy trì, bảo quản di sản thừa kế cho ông H theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông H là người trực tiếp thu tiền cho thuê các gian nhà trọ từ năm 2004 đến nay và không chia tiền thu được cho các em của mình. Nay, các anh em của ông H cũng không yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền cho thuê các gian nhà trọ nên Hội đồng xét xử thấy không cần trích trả công sức bảo quản di sản cho ông H là có căn cứ.

[8.3]. Chia cụ thể như sau: Ông S, ông T và bà N yêu cầu được hưởng thừa kế bằng hiện vật. Căn cứ hiện trạng thửa đất, Hội đồng xét xử thấy diện tích toàn bộ thửa đất rộng, có hai mặt ngõ, đủ điều kiện để tách thửa theo quy định của pháp luật nên phân chia di sản thừa kế bằng quyền sử dụng đất cho các đương sự là có căn cứ. Việc chia quyền sử dụng đất phải đảm bảo cho các bên được quản lý, sử dụng thuận lợi, không phải tháo dỡ các công trình kiến trúc hiện có, để các bên sử dụng hợp lý phần đất được chia. Chia cụ thể như sau:

- Chia cho ông Lê Ngọc S được quyền quản lý và sử dụng $46,7\text{m}^2$ đất được xác định bởi các điểm: 1, 2, 11, 12, 1. Ông S được quyền sở hữu $34,2\text{m}^2$ nhà trọ trên phần diện tích đất được chia trị giá 15.581.520 đồng; $12,5\text{m}^2$ mái tôn trị giá 1.107.500 đồng và cổng chính trị giá 737.800 đồng;

- Chia cho ông Lê Đức T được quyền quản lý và sử dụng $46,7\text{m}^2$ đất được xác định bởi các điểm: 2, 3, 10, 11, 2. Ông T được quyền sở hữu $36,5\text{m}^2$ nhà trọ trên phần diện tích đất được chia trị giá 16.629.400 đồng; $10,2\text{m}^2$ mái tôn trị giá 903.720 đồng;

- Chia cho bà Lê Thị Thùy N được quyền quản lý và sử dụng $46,7\text{m}^2$ đất được xác định bởi các điểm: 3, 4, 9, 10, 3. Bà N được quyền sở hữu $39,3\text{m}^2$ nhà

trợ trên phần diện tích đất được chia trị giá 17.905.080 đồng; 7,4m² mái tôn trị giá 655.640 đồng;

- Chia cho ông Lê Trung H được quyền quản lý và sử dụng 46,7m² đất được xác định bởi các điểm: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 4. Ông H được quyền sở hữu 21,1m² nhà trọ trên phần diện tích đất được chia trị giá 9.613.160 đồng; 10,4m² mái tôn trị giá 921.440 đồng; 14,5m² khu nhà vệ sinh trị giá 7.598.772 đồng; công phụ trị giá 168.640 đồng.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

[8.4]. Về việc thanh toán chênh lệch giá trị tài sản: Xét thấy, giá trị tài sản các bên được hưởng theo sự phân chia ở trên có sự chênh lệch. Cụ thể, ông H được chia giá trị tài sản nhiều hơn 346.344 đồng; bà N được chia nhiều hơn 605.052 đồng. Ông S được chia giá trị tài sản ít hơn 528.848 đồng; ông T được chia ít hơn 422.548 đồng.

Tuy nhiên, ông T và ông S không yêu cầu ông H và bà N phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản nên ghi nhận và các bên đương sự không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho nhau là có căn cứ.

[8.5]. Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

[9]. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Về quyền kháng cáo:**

[10]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 611, 613, 618, 623, 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc S đối với ông Lê Trung H.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Lê Năng T3, chết năm 2017 và bà Lê Thị H1, chết năm 1997 để lại là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 14, diện tích 195m², (diện tích hiện trạng là 186,9m²) tại: Thôn T, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội có giá trị là: 5.793.900.000 đồng.

3. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Lê Năng T3 và bà Lê Thị H1 gồm: Ông Lê Trung H, ông Lê Đức T, ông Lê Ngọc S và bà Lê Thị Thùy N.

4. Chia thừa kế như sau:

4.1. Chia cho ông Lê Ngọc S được quyền quản lý và sử dụng 46,7m² đất được xác định bởi các điểm: 1, 2, 11, 12, 1. Ông S được quyền sở hữu 34,2m² nhà trọ trên phần diện tích đất được chia; 12,5m² mái tôn và cổng chính;

4.2. Chia cho ông Lê Đức T được quyền quản lý và sử dụng 46,7m² đất được xác định bởi các điểm: 2, 3, 10, 11, 2. Ông T được quyền sở hữu 36,5m² nhà trọ trên phần diện tích đất được chia; 10,2m² mái tôn;

4.3. Chia cho bà Lê Thị Thùy N được quyền quản lý và sử dụng 46,7m² đất được xác định bởi các điểm: 3, 4, 9, 10, 3. Bà N được quyền sở hữu 39,3m² nhà trọ trên phần diện tích đất được chia; 7,4m² mái tôn;

4.4. Chia cho ông Lê Trung H được quyền quản lý và sử dụng 46,7m² đất được xác định bởi các điểm: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 4. Ông H được quyền sở hữu 21,1m² nhà trọ trên phần diện tích đất được chia; 10,4m² mái tôn; 14,5m² khu nhà vệ sinh và công phụ.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

4.5. Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Lê Ngọc S phải chịu 55.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông S đã nộp 13.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0073780 ngày 13/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội; nay, ông S còn phải nộp tiếp số tiền là 42.477.000 đồng;

- 5.2. Ông Lê Đức T phải chịu 55.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;
5.3. Bà Lê Thị Thùy N phải chịu 56.011.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;
5.4. Ông Lê Trung H phải chịu 56.003.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND t/p Hà Nội;
- VKSND huyện G, t/p Hà Nội
- Chi Cục THA Dân sự huyện G, t/p Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quang Dũng